

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT QUANG HUY**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ & SẢN XUẤT QUANG HUY

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: QUANG HUY INVESTMENT & MANUFACTURING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: QUANG HUY INVESTMENT & MANUFACTURING .,JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108188773

**3. Ngày thành lập:** 16/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Tăng Non, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Mã ngành |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan chi tiết: Thiết kế quy hoạch xây dựng<br>Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế nội - ngoại thất công trình; thiết kế cảnh quan;<br>Thiết kế kết cấu công trình;<br>Thiết kế điện - cơ điện công trình;<br>Thiết kế cấp - thoát nước;<br>Thiết kế thông gió - cấp thoát nhiệt;<br>Thiết kế mạng thông tin - liên lạc trong công trình xây dựng;<br>Thiết kế phòng cháy - chữa cháy<br>Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công trình;<br>Giám sát công tác lắp đặt thiết bị công nghệ. | 7110     |
| 2.  | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4773     |
| 3.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 3313     |
| 4.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4322     |
| 5.  | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4641     |
| 6.  | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4933     |
| 7.  | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 7410     |
| 8.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4663     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                              | 4759        |
| 10. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4932        |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1622        |
| 12. | In ấn                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1811        |
| 13. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2740        |
| 14. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2790        |
| 15. | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                                                                                                                                                        | 3100        |
| 16. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3314        |
| 17. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4100        |
| 18. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                            | 4210        |
| 19. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4220        |
| 20. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                           | 4290        |
| 21. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4311        |
| 22. | Chuẩn bị mặt bằng                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4312        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4321        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4329        |
| 25. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4330        |
| 26. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4390        |
| 27. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh | 4649        |
| 28. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                 | 4752        |
| 29. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                              | 4772        |
| 30. | Quảng cáo                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7310(Chính) |
| 31. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                | 8130        |
| 32. | Dịch vụ liên quan đến in                                                                                                                                                                                                                                                                             | 1812        |
| 33. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                  | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông          | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|----------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐĂNG HANH     | Thôn Tăng Non, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 405.000    | 4.050.000.000         | 45,000    | 001074010161                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 405.000    | 4.050.000.000         | 45,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN ĐĂNG HÀO      | Thôn Tăng Non, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam               | Cổ phần phổ thông | 135.000    | 1.350.000.000         | 15,000    | 001099007339                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 135.000    | 1.350.000.000         | 15,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | TRẦN THỊ QUỲNH TRANG | TDP Xuân Trung, Phường Xuân Đình, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam       | Cổ phần phổ thông | 360.000    | 3.600.000.000         | 40,000    | 048183000010                                                                                |         |
|     |                      |                                                                                      | Tổng số           | 360.000    | 3.600.000.000         | 40,000    |                                                                                             |         |
|     |                      |                                                                                      |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

#### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

#### 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐĂNG HANH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 29/12/1974

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001074010161

Ngày cấp: 15/06/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Tăng Non, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Tăng Non, Xã Thanh Đa, Huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội